

Số: 05/2024/QĐST-DS

Thành phố Bến Tre, ngày 15 tháng 02 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án dân sự thụ lý số: 285/2023/TLST – DS ngày 16 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (S1).

Địa chỉ: Số A, đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình K - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc S1.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Vũ Văn T – Chức vụ: Chuyên viên cao cấp tố tụng Xử lý nợ M.

Địa chỉ: Số H, đường T, phường A, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Phan Ngọc S, sinh năm 1977; Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số A, khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh M: Ông Phan Ngọc S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Hữu M1 – Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Phan Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thanh M có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 05/02/2024 là: 24.613.915.079 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ, sáu trăm mười ba triệu, chín trăm mười lăm nghìn, không trăm bảy mươi chín đồng), bao gồm nợ gốc là 20.799.982.000 đồng, nợ lãi là 3.813.933.079 đồng.

- Ông Phan Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thanh M còn có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay từng lần số REF2116500247/HDTD/LAB-PNS ngày 15/6/2021, Hợp đồng cho vay từng lần số REF2133000340/HDTD/LAB-PNS ngày 29/11/2021, Hợp đồng cho vay từng lần số REF2136500490/HDTD/LAB-PNS ngày 04/01/2022, kể từ ngày 06/02/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Thời hạn để ông Phan Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thanh M thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ các khoản tiền vay, tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay từng lần số REF2116500247/HDTD/LAB-PNS ngày 15/6/2021, Hợp đồng cho vay từng lần số REF2133000340/HDTD/LAB-PNS ngày 29/11/2021 và Hợp đồng cho vay từng lần số REF2136500490/HDTD/LAB-PNS ngày 04/01/2022 là ngày 10/4/2024.

Kể từ ngày 11/4/2024, nếu ông Phan Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thanh M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ các tài sản bảo đảm của khoản vay để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Tài sản bảo đảm bao gồm:

Tài sản 01: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 655,7m² (trong đó gồm: 350m² đất ở tại đô thị, 305,7m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 705, tờ bản đồ số 5 tại phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CS03658 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 15/4/2021 cho ông Phan Ngọc S.

Tài sản 02: Quyền sử dụng đất có diện tích 4379,7m² đất trồng lúa thuộc thửa đất số 803, tờ bản đồ số 2 tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02699 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp ngày 31/12/2007 cho ông Phan Ngọc S.

Tài sản 03: Quyền sử dụng đất có diện tích 2600m² đất trồng lúa thuộc thửa đất số 800, tờ bản đồ số 2 tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02766 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp ngày 07/4/2008 cho ông Phan Ngọc S.

Tài sản 04: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 917,1m² (trong đó gồm: 150m² đất ở tại đô thị và 767,1m² đất trồng lúa) thuộc thửa đất số 177, tờ bản đồ số 5 tại phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH00209 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre cấp ngày 20/10/2010 cho bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Phan Ngọc S.

Tài sản 05: Quyền sử dụng đất có diện tích 690,8m² đất trồng lúa nước còn lại thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 9 tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CS11558 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/12/2021 cho ông Phan Ngọc S.

Tài sản 06: Quyền sử dụng đất có diện tích 131,6m² đất trồng lúa nước còn lại thuộc thửa đất số 75, tờ bản đồ số 9 tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CS11559 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/12/2021 cho ông Phan Ngọc S.

Về án phí: ông Phan Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thanh M tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí là 66.307.000 đồng (sáu mươi sáu triệu ba trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 65.266.900 đồng (sáu mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm đồng) theo biên lai thu số 0002074 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA
TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Đạt